

Ngày 04 tháng 01 năm 2018

Thị trường tiếp tục giao dịch sôi động – Cập nhật PVS

MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------|---|
| Điểm nhấn thị trường | 2 |
| Cập nhật công ty | 3 |
| Thông kê giao dịch | 4 |
| Download data | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường tiếp tục giao dịch sôi động và tăng điểm mạnh dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Dầu khí và Bất Động sản.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên HOSE nhưng bán ròng nhẹ trên HNX. Tính chung 2 sàn, tổng giá trị mua ròng đạt hơn 260 tỷ đồng.
- Thanh khoản toàn thị trường đạt hơn 7.200 tỷ đồng. P/E VN-Index tiến sát mức 20x.

CẬP NHẬT CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS: HNX): Cập nhật công ty

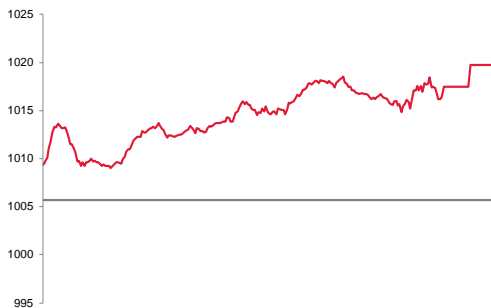
Mặc dù chúng tôi không thay đổi ước tính lợi nhuận cho năm 2018, chúng tôi định giá lại PE mục tiêu cho PVS từ 12x lên 15x (giảm 15% so với các công ty trong khu vực) và PB mục tiêu là 1,1x (giảm 25% so với các công ty trong khu vực). Do đó, giá mục tiêu 1 năm của chúng tôi đối với PVS là 28.000 đồng / cổ phiếu, tăng 9,3% so với giá hiện tại.

Yếu tố giúp cổ phiếu tăng giá trong thời gian tới có thể là (1) chuyển đổi cổ phiếu từ HNX đến HOSE, ước tính diễn ra trong quý 2 năm 2018, và (2) giá dầu tiếp tục tăng. Cần lưu ý rằng giá mục tiêu của chúng tôi là được tính trước khi công ty trả cổ phiếu thưởng và phát hành quyền.

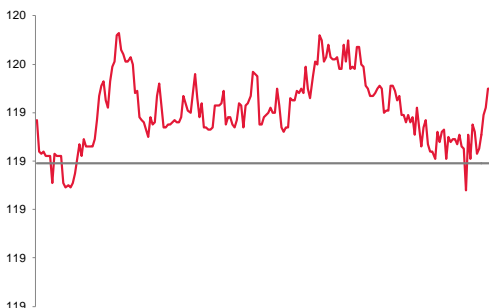
TỔNG QUAN

| | VN-Index | HNX-Index |
|------------------|----------------|---------------|
| Chỉ số | 1,019.75 | 119.50 |
| Thay đổi | 14.08 1.40% | 0.31 0.26% |
| KLGD (triệu cp.) | 252.9 | 96.9 |
| GTGD (tỷ đồng) | 6,214.9 | 988.2 |
| NĐTNN (tỷ đồng) | 1,751.3 | 112.4 |
| Mua | 1,016.3 | 49.5 |
| Bán | 735.0 | 62.9 |
| GTGD ròng | 281.3 | -13.5 |

VN-INDEX INTRADAY



HNX-INDEX INTRADAY



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Nguyễn Đăng Khoa, khoand1@ssi.com.vn

Thị trường tiếp tục giao dịch sôi động và tăng điểm mạnh dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Dầu khí và Bất Động sản. VN-Index có phiên tăng điểm thứ 9 liên tiếp và đóng cửa tại mức cao nhất ngày 1.019,75 điểm (+14,08 điểm, +1,40%), HNX-Index cũng đóng cửa mức giá xanh, đạt 119,50 điểm (+0,26%).

Giá dầu tăng mạnh tạo tâm lý tích cực cho nhóm cổ phiếu Dầu khí, trong đó GAS tăng 4,7%, đóng góp 3,29 điểm chỉ số, PVS (+1,2%), PVC (+3,2%), PVD (+2,5%), PXS (+6,8%), PLX (+4,5%). Hiện tại PLX đã đủ điều kiện về thời gian niêm yết (hơn 6 tháng) nên khả năng sẽ được thêm vào rổ VN30 trong kỳ xem xét sắp tới.

Giá dầu Brent đã vượt 68 USD/thùng, đạt lại mức cao trong gần 3 năm kể từ giữa năm 2015 được hỗ trợ bởi việc tiếp tục cắt giảm sản lượng của OPEC và Nga cũng như nhu cầu mạnh, đồng thời EIA đưa ra số liệu về tồn kho dầu của Mỹ tiếp tục giảm tuần thứ 6 liên tiếp.

Ở nhóm Ngân hàng, hầu hết các cổ phiếu đều tăng khá, ngoại trừ EIB bất ngờ đảo chiều giảm mạnh -6,2% vào cuối phiên và SHB đóng cửa tham chiếu.

Nhóm BĐS cũng có diễn biến tích cực hỗ trợ thị trường chung với VIC (+0,6%), NVL (+1,0%), KDH (+5,0%), DXG (+1,1%), NLG (+1,9%) và TDH (+4,7%),

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên HOSE nhưng bán ròng nhẹ trên HNX. Tính chung 2 sàn, tổng giá trị mua ròng đạt hơn 260 tỷ đồng. Các cổ phiếu được NĐTNN mua ròng nhiều có ROS, BID, VIC, PLX, KDC, ngược lại, SSI, SCR, PVS bị bán ròng nhiều.

Thanh khoản toàn thị trường đạt hơn 7.200 tỷ đồng. P/E VN-Index tiến sát mức 20x.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS: HNX): Cập nhật công ty

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 447 triệu cp; Vốn hóa: 11.436 tỷ đồng; Giá trị giao dịch trung bình 3 tháng: 107,18 tỷ đồng, Giá hiện tại: 25.600 đồng/cp; và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 17,29%.

Phạm Huyền Trang, trangph@ssi.com.vn

Kết quả kinh doanh 2017

Chúng tôi ước tính PVS sẽ đạt 14.900 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 820 tỷ đồng lợi nhuận ròng (-10% YoY), sát với dự báo trước đó của chúng tôi. Năm 2017, doanh thu giảm chủ yếu do doanh thu mảng M&C (Dịch vụ cơ khí dầu khí) giảm do không còn đơn hàng ngoài khơi trong nửa cuối năm trong khi lợi nhuận ròng giảm chủ yếu do lợi nhuận từ công ty liên kết giảm 32% (trong đó FPSO Lam Sơn đã ngừng hoạt động ngày 01 tháng 7 năm 2017).

Về FPSO Lam Sơn, vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, công ty liên doanh PTSC AP (liên doanh giữa PVS-51% và Yinson-49%) đã ký hợp đồng thỏa thuận và văn bản sửa đổi với PVS liên quan đến hợp đồng thuê tàu định hạn đã kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Một hợp đồng thuê mới để tiếp tục triển khai FPSO PTSC Lam Sơn tại mỏ Lam Sơn có thể được thảo luận trong thời gian tới (chúng tôi ước tính phí thuê có thể giảm mạnh so với mức 200.000 USD trước đó). Theo các điều khoản của hợp đồng thỏa thuận và văn bản sửa đổi, PTSC AP sẽ nhận khoản phí chấm dứt hợp đồng là 213,63 triệu USD vào ngày 26 tháng 1 năm 2018. Vào cuối năm 2016, tổng dư nợ của PTSC AP ước tính là 160 triệu USD. Do đó, chúng tôi hy vọng rằng PVS sẽ nhận được một khoản đền bù từ việc chấm dứt hợp đồng. Chúng tôi chưa thêm yếu tố này vào mô hình dự báo của chúng tôi cho đến khi nhận được thông tin chính thức từ phía công ty.

Triển vọng 2018

Trong năm 2018, chúng tôi vẫn duy trì dự báo rằng PVS sẽ đạt mức tăng trưởng doanh thu thuần là 11,7% YoY và lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông mẹ là 14,9% YoY. Tuy nhiên, EPS sẽ giảm khoảng -12% YoY khi tăng vốn điều lệ tăng 32% (cổ phiếu thưởng 7%, phát hành quyền mua cổ phiếu 25%), có thể diễn ra trong quý 2 năm 2018. Giả định chính của chúng tôi bao gồm: (1) Giá dầu thô Brent trung bình ở mức 60 USD / thùng vào năm 2018; (2) Doanh thu mảng M&C có thể tăng 25% chủ yếu là do ghi nhận hợp đồng EPCIC để xây dựng nền móng cho mỏ Cà Rồng Đỏ; (3) Tàu 2D & 3D sẽ đóng góp 20% vào tăng trưởng doanh thu và không còn chịu lỗ; (4) FPSO Lam Sơn có thể tiếp tục hoạt động nhưng giá thuê sẽ giảm xuống còn 70-100 nghìn USD (từ mức 200.000 USD trước đó).

Năm 2018, chúng tôi ước tính rằng việc mỏ Cá Rồng Đỏ đi vào hoạt động cùng với các dự án đường ống lớn ngoài khơi khác như Sao Vàng Đại Nguyệt sẽ là những động lực tăng trưởng chính cho công ty. PTSC M&C, một công ty 100% vốn của PVS, đã giành được một hợp đồng EPCIC để xây dựng một giếng khoan chân không (đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam) cho các hoạt động khai thác ở mỏ Cá Rồng Đỏ với giá trị ước tính là 400 triệu USD, hoàn thành việc bàn giao năm 2020).

Trong giai đoạn 2018-2023, mỏ Phong Lan Đại (hoạt động năm 2018), Nam Côn Sơn – GĐ2, Sao Vàng Đại Nguyệt (gói thầu M&C là 300 triệu USD), Lô B (37 giàn khoan trị giá 1,8 tỷ USD) sẽ là các dự án lớn tiếp theo đem lại lợi nhuận cho PVS. Ngoài ra, việc đầu tư vào FPSO Cá Rồng Đỏ ước tính mang lại thêm lợi nhuận từ các công ty liên kết kể từ năm 2020.

Quan điểm đầu tư

Mặc dù chúng tôi không thay đổi ước tính lợi nhuận cho năm 2018, chúng tôi lại nâng PE mục tiêu cho PVS từ 12x lên 15x (thấp hơn 15% so với các công ty trong khu vực) và PB mục tiêu là 1,1x (thấp hơn 25% so với các công ty trong khu vực). Do đó, giá mục tiêu 1 năm của chúng tôi đối với PVS là 28.000 đồng / cổ phiếu, tăng 9,3% so với giá hiện tại.

Yếu tố giúp cổ phiếu tăng giá trong thời gian tới có thể là (1) chuyển niêm yết cổ phiếu từ HNX đến HOSE, ước tính diễn ra trong quý 2 năm 2018, và (2) giá dầu tiếp tục tăng. Cần lưu ý rằng giá mục tiêu của chúng tôi là được tính trước khi công ty trả cổ phiếu thưởng và phát hành quyền.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top CP có KLGD đột biến so với TB 5 ngày trước

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|--------|------------|----------|---------|
| 1 | KHA | 29,850 | 1,260,216 | 1522.4% | -0.17% |
| 2 | NVT | 3,300 | 6,841,396 | 958.0% | 0.00% |
| 3 | VSI | 14,500 | 1,026,809 | 861.3% | 0.00% |
| 4 | ITA | 3,520 | 30,742,030 | 420.9% | 6.99% |
| 5 | HAH | 21,000 | 6,363,996 | 395.4% | 2.69% |
| 6 | VNE | 7,860 | 9,835,128 | 365.0% | 4.80% |
| 7 | PXI | 2,550 | 177,726 | 321.1% | 4.08% |
| 8 | PC1 | 39,000 | 9,250,237 | 313.3% | -0.26% |
| 9 | EIB | 12,100 | 34,652,014 | 286.5% | -6.20% |
| 10 | CSM | 16,550 | 11,942,594 | 284.2% | 3.44% |

HNX

Top CP có KLGD đột biến so với TB 5 ngày trước

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|--------|-----------|----------|---------|
| 1 | SDT | 9,000 | 1,542,454 | 965% | 5.88% |
| 2 | MAC | 7,900 | 257,920 | 954% | 0.00% |
| 3 | DNP | 20,600 | 4,447,037 | 492% | 3.52% |
| 4 | TPP | 12,600 | 458,060 | 469% | -10.00% |
| 5 | HKB | 3,100 | 8,410,276 | 465% | 3.33% |
| 6 | HLD | 13,000 | 2,236,235 | 461% | 0.78% |
| 7 | VNR | 23,000 | 1,911,420 | 428% | 2.68% |
| 8 | ITQ | 3,000 | 684,930 | 369% | 3.45% |
| 9 | VCC | 12,900 | 856,290 | 248% | 0.78% |
| 10 | PXA | 1,600 | 1,032,397 | 229% | 6.67% |

Top CP có KLGD đột biến (Giá tăng, KLGD>50000)

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|---------|------------|----------|---------|
| 1 | ITA | 3,520 | 30,742,030 | 420.9% | 6.99% |
| 2 | HAH | 21,000 | 6,363,996 | 395.4% | 2.69% |
| 3 | VNE | 7,860 | 9,835,128 | 365.0% | 4.80% |
| 4 | CSM | 16,550 | 11,942,594 | 284.2% | 3.44% |
| 5 | SCR | 9,550 | 62,485,768 | 276.4% | 2.80% |
| 6 | LCM | 1,110 | 234,244 | 268.4% | 6.73% |
| 7 | PTB | 136,000 | 24,249,939 | 260.8% | 3.74% |
| 8 | KSB | 45,000 | 22,868,854 | 249.0% | 4.77% |
| 9 | TDH | 15,700 | 16,530,609 | 247.9% | 4.67% |
| 10 | JVC | 5,010 | 14,798,512 | 246.4% | 6.82% |

Top CP có KLGD đột biến (Giá tăng, KLGD>50000)

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|--------|------------|----------|---------|
| 1 | HKB | 3,100 | 8,410,276 | 465% | 3.33% |
| 2 | PXA | 1,600 | 1,032,397 | 229% | 6.67% |
| 3 | HVA | 5,500 | 4,876,938 | 182% | 10.00% |
| 4 | CEO | 10,700 | 15,506,375 | 156% | 3.88% |
| 5 | TEG | 7,000 | 1,297,169 | 143% | 2.94% |
| 6 | KDM | 3,600 | 1,345,300 | 142% | 9.09% |
| 7 | KLF | 3,400 | 13,400,483 | 135% | 3.03% |
| 8 | TNG | 14,200 | 10,759,676 | 121% | 4.41% |
| 9 | KSQ | 2,000 | 302,410 | 119% | 5.26% |
| 10 | LIG | 4,400 | 708,570 | 90% | 4.76% |

Top CP có KLGD đột biến (Giá giảm, KLGD>50000)

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|--------|------------|----------|---------|
| 1 | EIB | 12,100 | 34,652,014 | 286.5% | -6.20% |
| 2 | FCM | 6,100 | 1,765,151 | 119.9% | -1.77% |
| 3 | TLH | 11,000 | 10,497,448 | 73.3% | -3.93% |
| 4 | CCL | 3,980 | 650,500 | 18.9% | -1.49% |
| 5 | TDC | 7,370 | 953,709 | 15.9% | -1.21% |
| 6 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 7 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 10 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |

Top CP có KLGD đột biến (Giá giảm, KLGD>50000)

| | CK | Giá | KLGD | Thay đổi | Giá T+1 |
|----|-----|--------|-----------|----------|---------|
| 1 | TTH | 4,900 | 682,537 | 93% | -2.00% |
| 2 | NDN | 10,800 | 5,911,800 | 74% | -1.82% |
| 3 | PVV | 1,400 | 222,160 | 31% | -6.67% |
| 4 | BCC | 7,200 | 1,515,933 | 11% | -1.37% |
| 5 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 6 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 7 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 8 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 9 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 10 | - | n.a | n.a | n.a | n.a |

Top CP có GTGD nhiều nhất

| | CK | Giá | GTGD | Giá T+1 | Giá T+3 |
|----|-----|---------|--------|---------|---------|
| 1 | STB | 13,600 | 360.00 | 1.87% | 5.84% |
| 2 | ROS | 164,000 | 292.39 | 1.23% | -9.74% |
| 3 | VNM | 214,800 | 241.15 | 0.42% | 2.97% |
| 4 | VIC | 81,000 | 239.56 | 0.62% | 4.79% |
| 5 | HPG | 48,200 | 228.95 | 1.26% | 2.88% |
| 6 | SSI | 30,100 | 211.69 | -0.33% | 4.51% |
| 7 | NVL | 67,600 | 174.09 | 1.05% | 3.84% |
| 8 | MBB | 26,350 | 171.16 | 0.19% | 3.74% |
| 9 | FPT | 61,000 | 169.56 | 2.01% | 6.83% |
| 10 | BID | 27,550 | 160.99 | 2.80% | 8.04% |

Top CP có GTGD nhiều nhất

| | CK | Giá | GTGD | Giá T+1 | Giá T+3 |
|----|-----|---------|--------|---------|---------|
| 1 | ACB | 38,800 | 246.37 | 0.26% | 5.15% |
| 2 | PVS | 25,600 | 229.01 | 1.19% | 8.47% |
| 3 | SHB | 9,800 | 91.98 | 0.00% | 5.38% |
| 4 | SHS | 21,300 | 55.49 | -0.47% | 0.47% |
| 5 | VGC | 27,200 | 48.63 | -0.73% | 3.03% |
| 6 | VCG | 23,100 | 45.33 | -0.86% | 5.96% |
| 7 | VCS | 253,900 | 17.85 | 1.56% | 9.44% |
| 8 | HUT | 11,000 | 17.45 | -0.90% | 1.85% |
| 9 | CEO | 10,700 | 15.51 | 3.88% | 2.88% |
| 10 | SHN | 10,000 | 14.96 | 3.09% | 3.09% |

| 10 CP TÁC ĐỘNG TĂNG LÊN VN-INDEX | | | | | | 10 CP TÁC ĐỘNG TĂNG LÊN HNX-INDEX | | | | | |
|----------------------------------|-----|----------|----------|------|-----------|-----------------------------------|-----|----------|----------|------|-----------|
| CK | Giá | Thay đổi | Index Pt | KLGD | | CK | Giá | Thay đổi | Index Pt | KLGD | |
| 1 | GAS | 102,000 | 4,600 | 3.29 | 1,127,010 | 1 | VCS | 253,900 | 3,900 | 0.09 | 1,127,010 |
| 2 | PLX | 78,600 | 3,400 | 1.64 | 1,539,440 | 2 | ACB | 38,800 | 100 | 0.08 | 1,539,440 |
| 3 | CTG | 25,700 | 900 | 1.25 | 5,295,490 | 3 | PVS | 25,600 | 300 | 0.07 | 5,295,490 |
| 4 | BID | 27,550 | 750 | 0.96 | 5,924,190 | 4 | CEO | 10,700 | 400 | 0.04 | 5,924,190 |
| 5 | VPB | 44,900 | 1,550 | 0.87 | 3,177,720 | 5 | SHN | 10,000 | 300 | 0.04 | 3,177,720 |
| 6 | VCB | 55,400 | 500 | 0.67 | 2,090,040 | 6 | CDN | 22,000 | 1,700 | 0.03 | 2,090,040 |
| 7 | SAB | 267,500 | 2,500 | 0.60 | 238,800 | 7 | DL1 | 61,800 | 400 | 0.02 | 238,800 |
| 8 | BHN | 142,000 | 6,500 | 0.56 | 40,170 | 8 | TNG | 14,200 | 600 | 0.02 | 40,170 |
| 9 | VIC | 81,000 | 500 | 0.49 | 2,937,490 | 9 | KLF | 3,400 | 100 | 0.02 | 2,937,490 |
| 10 | VNM | 214,800 | 900 | 0.49 | 1,124,350 | 10 | DBC | 28,600 | 300 | 0.02 | 1,124,350 |

| 10 CP TÁC ĐỘNG GIẢM LÊN VN-INDEX | | | | | | 10 CP TÁC ĐỘNG GIẢM LÊN HNX-INDEX | | | | | |
|----------------------------------|-----|----------|----------|-------|-----------|-----------------------------------|-----|----------|----------|-------|-----------|
| CK | Giá | Thay đổi | Index Pt | KLGD | | CK | Giá | Thay đổi | Index Pt | KLGD | |
| 1 | EIB | 12,100 | (800) | -0.37 | 2,740,800 | 1 | VHL | 51,000 | (4,000) | -0.04 | 2,740,800 |
| 2 | VRE | 47,200 | (200) | -0.14 | 1,935,370 | 2 | NVB | 7,500 | (100) | -0.03 | 1,935,370 |
| 3 | PME | 86,000 | (2,400) | -0.06 | 24,610 | 3 | VCG | 23,100 | (200) | -0.02 | 24,610 |
| 4 | PPC | 23,000 | (400) | -0.05 | 269,290 | 4 | VGC | 27,200 | (200) | -0.02 | 269,290 |
| 5 | SII | 21,300 | (1,600) | -0.04 | 240 | 5 | HUT | 11,000 | (100) | -0.02 | 240 |
| 6 | DHG | 113,700 | (700) | -0.03 | 373,480 | 6 | L14 | 77,200 | (2,600) | -0.02 | 373,480 |
| 7 | CHP | 25,600 | (650) | -0.03 | 92,050 | 7 | DHT | 64,900 | (1,400) | -0.01 | 92,050 |
| 8 | NT2 | 34,700 | (250) | -0.03 | 156,840 | 8 | DGL | 34,000 | (800) | -0.01 | 156,840 |
| 9 | SSC | 63,200 | (4,300) | -0.02 | 20 | 9 | SHS | 21,300 | (100) | -0.01 | 20 |
| 10 | TAC | 44,200 | (1,650) | -0.02 | 1,360 | 10 | SED | 19,500 | (1,800) | -0.01 | 1,360 |

THỐNG KÊ GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI

| MUA RÒNG | | | | | | | BÁN RÒNG | | | | |
|----------|-----|---------|-------|--------|---------|---------|----------|---------|---------|--------|-------|
| HOSE | | | | | | | HOSE | | | | |
| CK | Giá | Giá T+1 | Mua | Bán | Mua-Bán | | CK | Giá | Giá T+1 | Mua | |
| 1 | ROS | 164,000 | 1.23% | 117.04 | 0.10 | 116.938 | 1 | SSI | 30,100 | -0.33% | 26.45 |
| 2 | BID | 27,550 | 2.80% | 61.03 | 0.03 | 61.002 | 2 | E1VFN30 | 16,750 | 0.60% | 1.82 |
| 3 | VIC | 81,000 | 0.62% | 75.23 | 19.32 | 55.918 | 3 | SCR | 9,550 | 2.80% | 2.09 |
| 4 | PLX | 78,600 | 4.52% | 33.47 | 2.49 | 30.981 | 4 | CTD | 230,000 | 1.32% | 22.76 |
| 5 | KDC | 44,300 | 1.14% | 28.29 | 2.89 | 25.402 | 5 | MSN | 82,500 | 0.00% | 9.86 |
| 6 | VCB | 55,400 | 0.91% | 38.93 | 18.77 | 20.160 | 6 | GAS | 102,000 | 4.72% | 26.82 |
| 7 | VJC | 148,900 | 0.40% | 46.65 | 26.55 | 20.103 | 7 | VRE | 47,200 | -0.42% | 47.95 |
| 8 | HPG | 48,200 | 1.26% | 80.58 | 61.12 | 19.454 | 8 | PVD | 25,000 | 2.46% | 0.80 |
| 9 | VNM | 214,800 | 0.42% | 206.93 | 189.86 | 17.065 | 9 | NVT | 3,300 | 0.00% | - |
| 10 | BVH | 67,700 | 1.04% | 11.99 | 2.39 | 9.605 | 10 | PVT | 18,900 | 1.34% | 3.40 |

| HNX | | | | | | HNX | | | | | |
|-----|-----|---------|--------|-------|---------|-------|-----|---------|--------|-------|-------|
| CK | Giá | Giá T+1 | Mua | Bán | Mua-Bán | CK | Giá | Giá T+1 | Mua | | |
| 1 | VGC | 27,200 | -0.73% | 23.54 | 21.41 | 2.133 | 1 | PVS | 25,600 | 1.19% | 11.08 |
| 2 | VCG | 23,100 | -0.86% | 2.15 | 0.26 | 1.895 | 2 | HLD | 13,000 | 0.78% | - |
| 3 | | 9,800 | 0.00% | 1.51 | 0.03 | 1.479 | 3 | NTP | 66,200 | 0.15% | 0.68 |

| SHB | | | | | | | | | | | |
|-----|------------|---------|--------|------|------|-------|----|------------|--------|--------|------|
| 4 | WCS | 163,000 | 2.19% | 1.20 | - | 1.203 | 4 | BCC | 7,200 | -1.37% | 0.37 |
| 5 | DBC | 28,600 | 1.06% | 1.67 | 0.52 | 1.148 | 5 | VNR | 23,000 | 2.68% | 0.50 |
| 6 | VCS | 253,900 | 1.56% | 1.12 | 0.00 | 1.113 | 6 | CEO | 10,700 | 3.88% | - |
| 7 | PVB | 21,300 | 2.40% | 0.57 | - | 0.567 | 7 | CIA | 63,800 | -0.16% | - |
| 8 | PVC | 12,900 | 3.20% | 0.57 | - | 0.566 | 8 | DGC | 32,900 | 0.30% | - |
| 9 | MAS | 88,900 | 1.60% | 0.54 | - | 0.540 | 9 | S55 | 25,000 | 0.00% | - |
| 10 | IDV | 31,300 | -0.95% | 0.42 | - | 0.423 | 10 | DP3 | 73,100 | -1.75% | - |

THÔNG TIN LIÊN HỆ**Phòng PT&TVĐT Khách hàng cá nhân****Nguyễn Lý Thu Nga**nganlt@ssi.com.vn**Nguyễn Thị Kim Tân**tanntk@ssi.com.vn**CƠ SỞ KHUYẾN NGHỊ**

Với thời hạn đầu tư 12 tháng, SSIResearch đưa ra khuyến nghị MUA, NẮM GIỮ hoặc BÁN dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của các cổ phiếu so sánh với tỷ lệ sinh lời yêu cầu của thị trường là 18% (*). Khuyến nghị MUA khi cổ phiếu dự kiến sẽ tăng tuyệt đối từ 18% trở lên. Khuyến nghị BÁN khi cổ phiếu dự kiến giảm từ -9% trở lên, và khuyến nghị NẮM GIỮ khi tỷ lệ sinh lời dự kiến trong khoảng -9% đến 18%.

Bên cạnh đó, SSIResearch cũng cung cấp khuyến nghị ngắn hạn khi giá cổ phiếu dự kiến tăng/giảm trong vòng 3 tháng do có sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy tác động tới cổ phiếu. Khuyến nghị ngắn hạn có thể khác khuyến nghị 12 tháng.

Đánh giá ngành: Chúng tôi cung cấp khuyến nghị chung cho ngành như sau:

- ❖ Tăng tỷ trọng: Chuyên viên phân tích dự kiến trong 6-12 tháng sau ngành sẽ có diễn biến tích cực so với thị trường.
- ❖ Trung lập: Chuyên viên phân tích dự kiến trong 6-12 tháng sau ngành sẽ có diễn biến tương tự với thị trường.
- ❖ Giảm tỷ trọng: Chuyên viên phân tích dự kiến trong 6-12 tháng sau ngành sẽ có diễn biến kém tích cực so với thị trường.

****Tỷ lệ sinh lời yêu cầu của thị trường được tính toán dựa trên lợi tức trái phiếu Chính phủ 5 năm và phần bù rủi ro thị trường sử dụng phương pháp độ lệch chuẩn của thị trường cổ phiếu. Khuyến nghị của chúng tôi có thể thay đổi khi hai thành phần trên có thay đổi đáng kể.***

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, dự báo và khuyến nghị trong bản báo cáo này (bao gồm cả các nhận định cá nhân) được dựa trên các nguồn thông tin tin cậy; tuy nhiên SSI không đảm bảo chắc chắn sự chính xác hoàn toàn và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong báo cáo được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của người viết và là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI, các công ty con của SSI, giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần thông tin hoặc ý kiến trong báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay một phần báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.